

Bản án số: **211/2023/DS-PT**

Ngày: 15/5/2023

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản  
và hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Quốc

*Các Thẩm phán:* 1/- Ông Võ Bảo Anh.

2/- Bà Hà Thị Phương Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Khương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2022/TLPT-DS ngày 30/12/2022 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2022/DSST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 256/2023/QĐ-PT ngày 17/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lưu Sanh T.** sinh năm: 1970.

Bà **Lưu Thị H.** sinh năm: 1948.

Ông **Lưu Văn D.** sinh năm: 1958.

Bà **Lưu Thị K.** sinh năm: 1962.

Cùng địa chỉ: khu vực A, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bà **Lưu Hồng L.** sinh năm: 1966. Địa chỉ: khu vực C, phường L, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K, H, L là: anh Dương Minh P. sinh năm: 2000. Địa chỉ: Y đường Đ, phường H, quận K, thành phố Cần Thơ (*văn bản ủy quyền ngày 05/8/2022*).

2. Bị đơn: Bà **Lưu Thị N.** sinh năm: 1950 (chết năm 2020); Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm có:

- Ông **Nguyễn Văn Ng.** sinh năm: 1944.

- Chị **Nguyễn Thị T1.** sinh năm: 1968.

Anh **Nguyễn Văn N1.** sinh năm: 1982.

Anh **Nguyễn Văn T2** sinh năm: 1972.

Anh **Nguyễn Văn H1.** sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: khu vực A, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chị **Nguyễn Thị T3**. sinh năm: 1970. Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Chị **Nguyễn Thị T4**. sinh năm: 1976. Địa chỉ: khu vực C, phường L, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lưu Thị T5**. sinh năm: 1955. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Võ Thị Kim C1**. sinh năm: 1972.

- Chị **Lưu Thị Kiều D1**. sinh năm: 1991.

- Chị **Lưu Thị Thùy L1**. sinh năm: 1996.

- Anh **Lư Đỗ Tr**. sinh năm: 2005.

- Bà **Trần Thị H2**. sinh năm: 1956.

- Anh **Lưu Anh V**. sinh năm: 1976.

- Chị **Lưu Thị Bé T6**. sinh năm: 1978.

- Anh **Lưu Văn T7**. sinh năm: 1980.

- Anh **Lưu Văn H3**. sinh năm: 1985.

- Anh **Lưu Văn Đ**. sinh năm: 1991.

- Chị **Lưu Thị Kim Y**. sinh năm: 2002.

Cùng địa chỉ: khu vực A, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Lưu Thị H, Lưu Thị K, Lưu Hồng L; Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Thao thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Cụ Lưu Văn C (chết ngày 15/01/2001) và cụ Đỗ Thị Q (chết ngày 20/02/2000) có 08 người con gồm: Bà Lưu Thị H, bà Lưu Thị N, bà Lưu Thị T, ông Lưu Văn Tn (chết ngày 12/01/2018 không có vợ con), ông Lưu Văn D, bà Lưu Thị K, bà Lưu Hồng L, ông Lưu Sanh T. Hai cụ có tạo lập tài sản chung gồm: 8.621m<sup>2</sup> đất (thửa 857 có 300m<sup>2</sup> ODT+156m<sup>2</sup> CLN; thửa 862 có 1.756m<sup>2</sup> CLN; thửa 863 có 6.409m<sup>2</sup> LUA), theo giấy chứng nhận QSDĐ số 000236 ngày 29/10/1996 do cụ C đứng tên; đất tọa lạc ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Cần Thơ (cũ).

Cha mẹ chết không để lại di chúc và di sản từ trước đến nay các anh chị em chưa chia. Năm 2002, ông Tn làm thủ tục đại diện hộ đứng tên các thửa đất nói trên và được cấp giấy chứng nhận số 00744 ngày 06/02/2002. Tuy nhiên, trong năm 2002 ông Tn lại làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà N khi không được sự đồng ý của những người thừa kế còn lại và hộ bà N đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00744 ngày 02/4/2002. Khi các anh chị em yêu cầu được nhận phần của mình, thì bà N không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Do trước đây cụ C có vay tiền Ngân hàng 2.000.000đ, bà N đã xuất tiền ra trả, lấy giấy đất về và quản lý sử dụng đất từ năm 1999. Căn cứ Bản trích đo địa chính số 160/TTKTTNMT ngày 12/9/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi

trường thành phố Cần Thơ các đương sự yêu cầu như sau:

+ Thửa 857: vị trí E, diện tích  $50,7m^2$  (có  $29,7m^2$  ODT+  $21m^2$  CLN) do ông D đang sử dụng, nên ông D yêu cầu chia phần này; Phần diện tích  $47,4m^2$ , vị trí F (đường giao thông) và diện tích  $140,5m^2$ , vị trí D (đường nội bộ) do các đồng thừa kế đứng tên sử dụng, quản lý; Phần diện tích còn lại vị trí A, B, C ông T yêu cầu được chia.

+ Thửa 862: yêu cầu chia mỗi người diện tích  $160,875m^2$ .

+ Thửa 863: yêu cầu chia mỗi người diện tích  $786,35m^2$ .

Về vị trí, các đương sự yêu cầu: ông T vị trí O; ông D vị trí H, P; bà T vị trí K, S; bà L vị trí L, T; bà H vị trí N, V; bà K vị trí G, Q (vì bà K đang quản lý một phần đất tại vị trí G có nhà trên đất). Trường hợp người được chia tại các vị trí có chênh lệch với kỹ phần được hưởng, thì bồi hoàn giá trị tương ứng. Ngoài ra, nếu người được chia có diện tích phần đường nội bộ thì đương sự đồng ý ghi nhận phần đường nội bộ theo bản trích đo.

Đối với các tài sản trên đất theo biên bản thẩm định ngày 11/10/2018, thì căn nhà của ông T là do ông T xây dựng trên nền nhà thờ tổ trước đây (vì nhà thờ tổ đã tháo dỡ không còn). Trường hợp phần đất các nguyên đơn được chia có tài sản của bị đơn thì người được chia phần đất sẽ bồi hoàn giá trị cho bị đơn. Riêng đối với cây trồng trên đất do không định vị vị trí cây trồng trên đất nên trường hợp người được nhận phần đất được chia có cây trồng nào thì sẽ bồi hoàn giá trị cho bị đơn khi thi hành án, trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Ông T còn có yêu cầu tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/01/2002 giữa ông Tn và bà N.

*\* Bị đơn bà Lưu Thị N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trình bày:*

Phía bị đơn thống nhất về quan hệ huyết thống cũng như tài sản cụ C, cụ Q tạo lập như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, năm 1990 bà N đã bỏ tiền ra để chuộc lại đất do cụ C thế chấp Ngân hàng. Sau đó bà được cụ C cho các thửa đất trên, nhưng do không có tên trong hộ khẩu nên cụ C chuyển quyền cho ông Tn và ông Tn chuyển quyền lại cho bà N. Bà N đã sử dụng đất từ năm 1998, 1999 đến nay và trong quá trình sử dụng đã đầu tư cải tạo đất khoảng 720 triệu, cũng như lúc cha mẹ già do bà chăm sóc, phụng dưỡng. Khi bà N còn sống, có đồng ý cho chị em mỗi người diện tích  $120m^2$ , riêng ông D  $240m^2$  và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn cũng đồng ý giữ nguyên ý chí này.

*Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 141/2022/DS-ST ngày 28/10/2022 đã tuyên:*

*Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Tuyên bố vô hiệu một phần đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lưu Văn Tn và bà Lưu Thị N lập ngày 28/01/2002.*

*Xác nhận di sản thừa kế của ông Lưu Văn C và bà Đỗ Thị Q gồm: Diện tích đất qua đo đạc là  $8.259,2m^2$  (trong đó có:  $300m^2$  đất ODT;  $1.447,2m^2$  đất CLN;  $6.512m^2$  đất LUC), tại các thửa 857, 862, 863 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khu vực Phúc Lộc 1, phường Trung Nhứt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ*

hiện do hộ bà Lưu Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00744 ngày 02/4/2002 có tổng giá trị là 2.915.370.000đ.

Công nhận 01 kỷ phần thừa kế ông Lưu Văn Tn được hưởng chuyển quyền cho bà N theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 28/01/2002.

Xác nhận công sức duy trì, giữ gìn, bảo quản di sản và chăm sóc cha mẹ của bà N bằng một kỷ phần thừa kế.

Chia giá trị di sản cho ông Lưu Sanh T, bà Lưu Thị H, ông Lưu Văn D, bà Lưu Thị K, bà Lưu Hồng L, bà Lưu Thị T, ông Lưu Văn Tn mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế là 323.930.000đ.

Chia giá trị di sản cho ông Nguyễn Văn Ng và 06 người con gồm Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T được hưởng ba kỷ phần thừa kế của bà N là 971.790.000đ, trong đó: 01 kỷ phần bà N được hưởng theo quy định; 01 kỷ phần ông Lưu Văn Tn chuyển quyền; 01 kỷ phần được thanh toán công sức duy trì, giữ gìn, bảo quản di sản và chăm sóc cha mẹ.

Xác nhận tổng diện tích đường nội bộ là  $361,7m^2$ , loại đất CLN + LUC (có  $140,5m^2$  đất CLN), các nguyên đơn, bà T, bị đơn mỗi người phải chịu tương ứng với quyền sử dụng đất bị hạn chế sử dụng là 20.370.000đ.

Chia hiện vật cụ thể:

- Chia cho ông Lưu Văn D diện tích  $50,7m^2$ , loại đất ODT + CLN (có  $29,7m^2$  đất ODT,  $21m^2$  đất CLN) tại vị trí E, thuộc một phần thửa 857 và diện tích  $152,7m^2$ , loại đất CLN, tại vị trí H, I, thuộc một phần thửa 862, có trị giá 180.990.000đ.

- Chia cho bà Lưu Thị K diện tích  $191m^2$ , loại đất CLN tại vị trí G, thuộc một phần thửa 862, có trị giá 133.700.000đ.

- Chia cho bà Lưu Thị T diện tích  $195,6m^2$ , loại đất CLN tại vị trí J, thuộc một phần thửa 862, có trị giá 136.920.000đ.

- Chia cho bà Lưu Hồng L diện tích  $202,8m^2$ , loại đất CLN tại vị trí K, thuộc một phần thửa 862, có trị giá 141.960.000đ.

- Chia cho bà Lưu Thị H diện tích  $228m^2$ , loại đất CLN tại vị trí L, thuộc một phần thửa 862, có trị giá 159.600.000đ.

- Chia cho ông Lưu Sanh T diện tích  $409,5m^2$  loại đất ODT + CLN (có  $269m^2$  đất ODT,  $140,5m^2$  đất CLN) tại vị trí A, B, C, D thuộc một phần thửa 857, có trị giá 636.350.000đ. Đối với diện tích  $140,5m^2$  tại vị trí D (đường nội bộ) thì phần diện tích này sẽ bị hạn chế quyền về lối đi cho các đồng thừa kế. Ông T có trách nhiệm trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn giá trị toàn bộ nhà sinh thái 1, nhà sinh thái 2 là 34.761.000đ và ông T có quyền, nghĩa vụ tháo dỡ nhà sinh thái 2. Đồng thời, ông T có trách nhiệm trả cho bà K, bà T giá trị phần di sản chênh lệch được nhận cụ thể: trả cho bà K số tiền 169.860.000đ; trả cho bà T số tiền 162.930.000đ.

- Chia cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn (ông Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4) diện tích  $316,6m^2$ , loại đất CLN tại vị trí M, N, thuộc một phần thửa 862 và diện tích  $6.512m^2$ , loại đất LUC, thuộc thửa 863; tổng trị giá 1.524.020.000đ. Đối với toàn bộ diện tích  $221,2m^2$  (đường nội bộ) tại thửa

863 thì phần diện này sẽ bị hạn chế quyền về lối đi cho các đồng thừa kế. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có trách nhiệm trả cho bà T, ông D, bà L, bà H giá trị phần di sản chênh lệch được nhận cụ thể: trả cho bà T số tiền 3.710.000đ; trả cho ông D số tiền 122.570.000đ; trả cho bà L số tiền 161.600.000đ, trả cho bà H số tiền 143.960.000đ.

Vị trí, kích thước các cạnh của phần đất được chia nêu trên xác định theo Bản trích đo địa chính số 160/TTKTTNMT ngày 12/9/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ (Đính kèm).

Đương sự liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đối với cây trồng trên đất tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có đương sự yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc chịu lãi chậm thi hành án, án phí, các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/11/2022 những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nộp đơn kháng cáo, yêu cầu phúc thẩm chấp nhận chia thừa kế theo ý chí của bị đơn lúc còn sống đã đề cập.

Ngày 11/11/2022 người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Lưu Hồng L, Lưu Thị H và Lưu Thị K ký và nộp đơn kháng cáo, yêu cầu phúc thẩm chia cho bà H phần 316m<sup>2</sup> (CLN) tại vị trí M, N và 893m<sup>2</sup> (LUC) tại vị trí V; các nguyên đơn sẽ hoàn trả phần giá trị với số tiền tương đương cho các thừa kế của bị đơn để bà H được đứng tên các phần này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Người đại diện các nguyên đơn kháng cáo xác định lại nội dung kháng cáo là yêu cầu chia cho bà H phần đất có mô mã của dòng tộc là vị trí N+V để bà H quản lý nhằm thuận tiện cho việc thăm mồ mã và giao cho bà H được nhận, quản lý, sử dụng số tiền cho thuê Trụ đài điện đang nằm trên vị trí đất K+L (của bà L, bà H) để dùng vào việc thờ cúng, giỗ chạp hàng năm mà cấp sơ thẩm đã bỏ sót phần này.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: về tố tụng Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng quy định; Về nội dung: xét các kháng cáo không có căn cứ, án sơ thẩm chia di sản thừa kế phù hợp và đúng quy định, đề nghị bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm. Chỉ điều chỉnh bổ sung thêm phần cấp sơ thẩm bỏ sót là Trụ đài điện (nhận phát sóng) đang nằm trên đất thuộc vị trí K+L đã chia cho bà H, bà L sử dụng; vậy nên số tiền cho thuê hàng tháng cần giao cho bà H nhận, quản lý để sử dụng vào việc thờ cúng, giỗ chạp hàng năm của dòng tộc là phù hợp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

### \* Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là các thửa đất 857, 862, 863 và tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất ngày 28/01/2002. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo khoản 3, 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Lưu Thị N chết ngày 04/02/2020 (âl) nên cấp sơ thẩm đưa chồng và các con của bị đơn vào tham gia với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là đúng quy định theo Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có mặt gồm: bà H, bà K, bà L (do anh Phú đại diện), ông D, chị T, anh N, anh H; tất cả những người còn lại đều vắng mặt. Tuy nhiên, một số đương sự đã được triệu tập hợp lệ, một số đã xin vắng mặt từ giai đoạn sơ thẩm nên không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo. Căn cứ Điều 294, 296 Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa phúc thẩm vẫn tiến hành.

\* Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có kháng cáo. Phía nguyên đơn thì yêu cầu chia và cho bà H đứng tên các vị trí N+V (khu mộ), cho bà H được nhận và quản lý sử dụng số tiền cho thuê Trại đại diện nằm trên vị trí K+L để dùng vào việc thờ cúng, giỗ chạp dòng tộc hàng năm. Còn phía bị đơn yêu cầu chia theo ý chí của bị đơn lúc còn sống đã đưa ra. Như vậy về diện, hàng thừa kế và tài sản thừa kế tất cả đều thống nhất với án sơ thẩm không có kháng, nên không đề cập lại. Xét kháng cáo của các bên:

[2] Về kháng cáo của phía những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn yêu cầu chia theo ý chí của bị đơn lúc còn sống đã đưa ra là chia cho mỗi thừa kế diện tích 120m<sup>2</sup>, riêng ông D 240m<sup>2</sup>, với lý do là vì bà N là người xuất tiền ra trả Ngân hàng để chuộc lại đất mà cụ C đã thế chấp. Đánh giá luận điểm này, thấy rằng: việc bà N xuất tiền ra trả khoản nợ Ngân hàng mà trước đó cụ C đã vay và thế chấp tài sản không có nghĩa là bà N mặc nhiên mua lại tài sản này, trở thành chủ sở hữu đương nhiên. Đây là tài sản do cha mẹ các đương sự tạo lập, khi cha mẹ chết thì tài sản này trở thành di sản thừa kế và được phân chia công bằng theo quy định của pháp luật. Hành vi, việc làm của bà N xuất tiền ra trả Ngân hàng để chuộc giấy đất về sẽ được cân nhắc, xem xét khi phân chia di sản thừa kế. Và thực tế, cấp sơ thẩm đã xem xét đến vấn đề này kết hợp với công sức gìn giữ, tôn tạo khối di sản và công chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ lúc còn sống. Vì thế đã xét chia thêm cho bà N tương đương với một kỷ phần; công thêm kỷ phần của ông Tn trong hợp đồng chuyển nhượng bị vô hiệu (các kỷ phần khác bị vô hiệu, riêng kỷ phần của ông Tn xem như chuyển nhượng hợp pháp cho bà N) và kỷ phần của bà N được hưởng, nên tổng cộng bà N được nhận 03 kỷ phần là phù hợp với lẽ công bằng, có căn cứ, đúng quy định pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội. Do đó, kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Lưu Hồng L, Lưu Thị H và Lưu Thị K, yêu cầu phúc thẩm chia cho bà H vị trí N+V để thuận tiện trong việc chăm sóc, quản lý khu mộ. Xét rằng: sau khi xem xét loại trừ diện tích phạm đường giao thông do nhà nước quản lý không cấp quyền sử dụng, thì diện tích còn lại để xác định khối di sản thừa kế phải chia là 8.259,2m<sup>2</sup> (trong đó: 300m<sup>2</sup> ODT; 1.447,2m<sup>2</sup> CLN; 6.512m<sup>2</sup> LUC). Cấp sơ thẩm xác định mỗi kỷ phần thừa kế là 917,68m<sup>2</sup> đất (bao gồm

33,33m<sup>2</sup>ODT+160,8m<sup>2</sup>CLN+723,55m<sup>2</sup>LUC) trị giá tương đương với số tiền 323.930.000đ và có xem xét đến hiện trạng sử dụng đất, những vị trí đang tồn tại nhà của các thửa kế, cùng với tài sản của phía bị đơn và việc sử dụng đất thuận lợi nhất. Từ đó chia cho các đương sự phần đất có vị trí gắn liền với tài sản trên đất để sử dụng thuận tiện và cũng để tránh sự chia tách đất nông nghiệp theo chủ trương của nhà nước là hợp tình, hợp lý và có căn cứ pháp luật. Do vậy, kháng cáo phần này không có căn cứ và không phù hợp nên không được chấp nhận.

Riêng nội dung yêu cầu giao cho bà H được nhận, quản lý và sử dụng khoản tiền cho thuê Trại đài diện (nằm trên vị trí K+L của bà H, bà L) để sử dụng vào việc thờ cúng, giỗ chạp dòng tộc hàng năm. Xét yêu cầu này hợp lý, cấp sơ thẩm đã bỏ sót nên cần chấp nhận để điều chỉnh bổ sung vào phần quyết định cho đầy đủ.

Quan điểm của Kiểm sát viên phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị bác các kháng cáo, giữ y án sơ thẩm về các nội dung của phần quyết định nhưng có điều chỉnh bổ sung thêm phần giao cho bà H được nhận, quản lý và sử dụng khoản tiền cho thuê Trại đài diện để sử dụng vào việc thờ cúng, giỗ chạp dòng tộc hàng năm.

[4] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo không được chấp nhận, nên ngoài ông Nghiêm, bà H, bà K là người cao tuổi được miễn án phí thì những người còn lại phải chịu án phí theo quy định.

[5] Thiết nghĩ cũng cần lưu ý rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm về cách viết phần quyết định trong bản án về thửa kế, đó là không viết lại, lặp lại những tình tiết đã được xác định ở phần nhận định của bản án; cụ thể là: Xác định thời điểm mở thửa kế; Xác định hàng thửa kế; Xác định khối tài sản thửa kế... làm cho bản án dài thêm, dư thừa không cần thiết.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:** Khoản 3, 5 Điều 26, 148, Điều 294, 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 136, 693, 695 Bộ luật dân sự 1995; Điều 613, 623, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

1/- Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn bà Lưu Thị H, Lưu Thị K, Lưu Hồng L và của Người đại diện những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn Na, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4.

2/- Giữ y các nội dung đã quyết định của bản án sơ thẩm.

3/- Giao cho bà Lưu Thị H được nhận, quản lý và sử dụng khoản tiền cho thuê Trại đài diện (nằm trên vị trí K+L của bà H, bà L) để sử dụng vào việc thờ cúng, giỗ chạp dòng tộc hàng năm.

4/- Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Văn Ng, bà Lưu Thị H, bà Lưu Thị K được miễn án phí.

Bà Lưu Hồng L phải chịu 300.000đ; chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai số 0004744 ngày 15/11/2022 thành án phí phúc thẩm; đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, anh Nguyễn Văn Na, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ; chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai số 0004740 ngày 11/11/2022 thành án phí phúc thẩm; đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q. Thốt Nốt.
- Chi cục THADS.Thốt Nốt.
- Lưu (HS - 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Tuấn Quốc**